

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 52/2017/DS - PT

Ngày 25/8/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự ủy quyền,
yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Lương Xuân Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 và ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2017/TLPT-DS ngày 05/6/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự ủy quyền, yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐST-DS ngày 06/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2017/QĐST-DS ngày 31/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Mai L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường BD, phường BD, quận HBT, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Bị đơn: Anh La Thế U, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Triệu Hạnh H1, Luật sư Văn phòng luật sư Triệu H1, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Đường HTV, phường NQ, Thành phố H, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Ngọc C1, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường BĐ, phường BĐ, quận HBT, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt, Ủy quyền cho vợ là Chị Đào Mai L1 có mặt).

- Anh Nguyễn Ngọc C2, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2 : Luật sư Vũ Thị N thuộc Văn phòng luật sư CLV - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Đường XT, CG, Hà Nội. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

- Văn phòng công chứng NT; địa chỉ: Khu tái định cư, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C3 - công chứng viên. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Văn phòng công chứng QM; địa chỉ: Đường CT, thị trấn V, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hữu H2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Anh La Thế U, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn Chị Đào Mai L1 trình bày: Vợ chồng chị có một chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37 do chị đứng tên đăng ký. Ngày 14/10/2015, anh Trần Ngọc C1 đã ủy quyền cho chị quản lý định đoạt xe ô tô này. Ngày 12/11/2015, chị có ký hợp đồng ủy quyền cho Anh La Thế U được toàn quyền quản lý, sử dụng, mua bán, tặng cho chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37 này. Nội dung hợp đồng ủy quyền do Văn phòng công chứng QM lập. Sau đó, chị giao xe ô tô cùng giấy tờ gồm đăng ký xe và bảo hiểm xe ô tô cho Anh La Thế U quản lý sử dụng.

Đến ngày 02/7/2016, chị có gửi cho Anh La Thế U thông báo về việc chị chấm dứt ủy quyền cho anh U sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37 này. Đồng thời chị cũng gửi thông báo này tới Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và Văn phòng công chứng QM. Do chị yêu cầu

Anh La Thế U trả lại cho chị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37 cùng giấy tờ xe nhưng anh U không chịu trả nên chị khởi kiện anh U đến Tòa án, chị đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền đã ký giữa chị với Anh La Thế U ngày 12/11/2015 nói trên và buộc anh U trả xe cho chị và giấy đăng ký xe ô tô TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37.

Ngày 23/12/2016, Chị Đào Mai L1 bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37 giữa bên bán xe Đào Mai L1 bên mua xe La Thế U lập ngày 09/10/2015 tại Văn phòng công chứng NT. Chị Đào Mai L1 cũng yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37 giữa bên bán là Anh La Thế U với bên mua là anh Nguyễn Ngọc C2 lập ngày 22/11/2016 tại Văn phòng công chứng NT.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn Anh La Thế U trình bày anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1 vì:

Liên quan đến hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô lập ngày 09/10/2015 là do trước đó vào khoảng tháng 7 năm 2015, anh có đưa cho Chị Đào Mai L1 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) và 01 sổ hộ khẩu gia đình mang tên La Thế U sau đó chị L1 tự đi làm hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô này với anh ngày 09/10/2015 có nội dung chị L1 bán cho anh chiếc xe ô tô Vios trong hợp đồng là 100.000.000đ còn thỏa thuận miệng giữa anh và chị L1 là 750.000.000đ, còn thừa số tiền thì chị L1 mượn anh để mua nhà hiện nay vẫn chưa trả anh. Khi mua bán xe ô tô này, anh chỉ đưa tiền cho chị L1, sau đó chị L1 tự làm thủ tục, anh không ký vào hợp đồng mua bán này. Sau ngày 9/10/2015 khoảng ba, bốn hôm thì chị L1 đưa cho anh hợp đồng mua bán xe ô tô như anh xuất trình tại Tòa án. Anh La Thế U khẳng định chữ ký trong hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/10/2015 này không phải chữ ký của anh.

Liên quan tới hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015 mà Chị Đào Mai L1 đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt: Ngày 12/11/2015, Chị Đào Mai L1 ủy quyền cho anh được mua bán thế chấp chiếc xe Vios Biển kiểm soát 30A -706.37, nên ngày 22/11/2016 anh có bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Ngọc C2 với giá 100.000.000đ, hai bên có làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng NT,

tỉnh Thái Nguyên, anh đã nhận tiền của anh C2 và giao xe và giấy tờ xe cho anh Nguyễn Ngọc C2. Nay chiếc xe này anh đã bán cho anh Nguyễn Ngọc C2 nên chị L1 yêu cầu anh trả lại, anh không đồng ý. Việc chị L1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô này giữa anh và anh C2 vô hiệu anh không đồng ý.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án:

Anh Trần Ngọc C1 trình bày: anh là chồng của Chị Đào Mai L1, vợ chồng anh chị có một chiếc xe ô tô Toyota nhãn hiệu Vios Biển kiểm soát 30A – 706.37 theo chứng nhận đăng ký ô tô số 112735 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/7/2015 chủ xe là Đào Mai L1. Ngày 14/10/2015 anh có ủy quyền cho Chị Đào Mai L1 được quyền sử dụng định đoạt chiếc xe ô tô này và được công chứng tại phòng công chứng Hồ Gươm, Hà Nội. Thời hạn ủy quyền là 10 năm đến nay anh vẫn giữ nguyên ủy quyền này cho vợ anh, việc chị L1 khởi kiện ra Tòa anh không có ý kiến gì, mọi quyết định do chị L1.

Chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị là vợ Anh La Thế U, chị kết hôn với anh U từ năm 2010 vợ chồng chung sống từ đó đến nay, anh U thường xuyên đi làm ăn thi thoảng mới về nhà, công việc làm ăn của anh U chị không nắm được. Việc ủy quyền sử dụng ô tô giữa Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U chị không được biết, đến khoảng tháng 12/2015 khi anh U mang giấy tờ về thì chị mới biết. Hiện nay anh U đang quản lý sử dụng chiếc xe ô tô 30A- 706.37. Chị không liên quan đến việc ủy quyền và sử dụng chiếc xe ô tô này nên chị từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án.

Anh Nguyễn Ngọc C2 khai: giữa anh và anh U có quan hệ họ hàng xa, cách đây khoảng một tháng anh U rủ anh đi chơi anh không biết đi đâu, trước khi đi thì anh U có bảo anh là cầm sổ hộ khẩu và Chứng minh thư đi khi đi đến ngang đường thì anh U có nói là đứng tên hộ bên mua trong hợp đồng mua bán xe ô tô. Khi đến Phòng công chứng trên Thái Nguyên thì đã có sẵn hợp đồng, anh có ký vào ba bản hợp đồng mua bán xe ô tô Vios Biển kiểm soát 30A – 706.37. Anh biết chiếc xe này anh U được ủy quyền của chị L1, chị L1 cho phép anh U được mua bán, nên công chứng đã làm hợp đồng và anh đã ký vào bên mua trong hợp đồng mua bán. Khi lập hợp đồng hai bên thỏa thuận giá trị là 100.000.000đ, nhưng anh chưa trả anh U số tiền này. Anh khẳng định anh chỉ đứng hộ tên trong hợp đồng mua bán

với anh U do quen biết chứ anh không mua chiếc xe này của anh U và anh U cũng không bán chiếc xe này cho anh. Hiện nay anh U vẫn đang quản lý sử dụng chiếc xe này, anh U chưa giao cho anh giấy tờ xe, và giấy tờ đăng ký xe cũng chưa chuyển sang mang tên anh. Nay chị L1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán này vô hiệu, do anh chỉ ký vào hợp đồng hộ anh U chứ anh không mua bán gì và cũng không phải trả tiền anh U nên anh không yêu cầu gì.

Chị Lê Thị T trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Ngọc C2, khi vợ chồng chị ở nhà thì có ông La Thế U đến đón anh C2 là chồng chị đi sang nhà chơi, chị không biết anh C2 đi đâu đến khi anh C2 về nhà thì chị thấy anh C2 cầm hợp đồng mua bán ô tô về, anh C2 chỉ đứng hộ tên trong hợp đồng mua bán chứ thực tế anh C2 không mua bán chiếc xe này. Từ ngày ký hợp đồng đến nay anh C2 không mang xe về nhà, gia đình chị không có điều kiện để mua ô tô và anh C2 cũng không có Bằng lái xe ô tô. Chị khẳng định vợ chồng chị không mua chiếc xe anh U bán và không phải trả tiền cho anh U. Nay chị L1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu do vợ chồng chị không mua bán chiếc xe này và cũng không phải trả cho anh U bất kỳ khoản tiền nào nên chị không yêu cầu gì.

Văn phòng công chứng NT đại diện ông Nguyễn Văn C3 khai: đối với hợp đồng mua bán ngày 09/10/2015 giữa Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U do thời gian đã lâu nên ông không nhớ cụ thể qua kiểm tra hồ sơ lưu tại Văn phòng thì thấy hồ sơ công chứng hợp đồng mua bán ô tô giữa Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U đầy đủ có chữ ký của bên mua, bên bán và Giấy chứng nhận đăng ký xe nên ông đã có lời chứng vào phần cuối của Hợp đồng này. Đối với hợp đồng mua bán ngày 22/11/2016. Vào ngày này Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2 có đến Văn phòng làm hợp đồng mua bán ô tô Biểm kiểm soát 30A -706.37 qua kiểm tra hồ sơ thì thấy anh U đã nhận ủy quyền của Chị Đào Mai L1 ngày 12/11/2015, anh U được quyền bán chiếc xe ô tô nên Văn phòng đã lập hợp đồng công chứng số 2417 quyền số 03 công chứng việc mua bán xe giữa anh Nguyễn Ngọc C2 và Anh La Thế U. Việc giao xe và giấy tờ xe là do anh C2 và anh U Văn phòng không chứng kiến. Nay chị L1 yêu cầu tuyên bố hai hợp đồng mua bán này vô hiệu ông đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Văn phòng công chứng QM đại diện ông Hoàng Hữu H2 khai: Ngày 12/11/2015 bà Đào Mai L1 và ông La Thế U có đến Văn phòng công chứng QM làm thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền số 1006/2015 trực tiếp ông Hoàng Hữu

H2 thực hiện công chứng hợp đồng này. Đến ngày 23/7/2016 bà Đào Mai L1 có gửi cho Văn phòng bản Thông báo hủy hợp đồng ủy quyền số 1006/2015, ông H2 là người trực tiếp nhận và ký xác nhận vào Thông báo bà L1 lập. Nay chị L1 yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền này Văn phòng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Hợp đồng mua bán ngày 09/10/2015 đối tượng là chiếc xe Vios, anh U đã trả cho chị L1 750.000.000đ, chị L1 không thừa nhận nhưng việc anh U mua xe và trả tiền là có căn cứ sau đó hai bên có ký kết hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015 là tự nguyện nên quyền và nghĩa vụ của hai bên từ hợp đồng mua bán đã chuyển sang hợp đồng ủy quyền do đó giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán ngày 09/10/2015 là không cần thiết.

Đối với hợp đồng ủy quyền: không có căn cứ anh U nhận được Thông báo chấm dứt hợp đồng ủy quyền của chị L1, Tòa án thụ lý ngày 04/11/2016 nhưng đến ngày 18/11/2016 Tòa án giao Thông báo thụ lý cho chị V là vợ anh U nhận thay, anh U không biết việc chị L1 khởi kiện do đó ngày 22/11/2016 anh U đã bán chiếc xe này cho anh C2, việc mua bán này là hợp pháp do đó phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với việc tuyên bố hợp đồng mua bán giữa anh U và anh C2 là vô hiệu. Hợp đồng ủy quyền giữa chị L1 và anh U đã thực hiện xong đối tượng của hợp đồng là chiếc xe Vios không còn. Nếu Tòa án buộc anh U trả lại xe Vios cho chị L1 thì đề nghị chị L1 trả lại anh U 750.000.000đ.

Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tòa án áp dụng biện pháp kê biên là không cần thiết, chỉ cần áp dụng biện pháp “Cấm dịch chuyển quyền về tài sản”. Từ những căn cứ nêu trên thì phía bị đơn không chấp nhận tất cả các yêu cầu của chị L1 đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định “Tạm đình chỉ” giải quyết vụ án chuyển vụ án cho cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán: đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Về xác định thẩm quyền giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS; Việc xác định mối quan hệ tranh chấp: Đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 6 Điều 27 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc thu thập chứng cứ: Đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS; Việc áp dụng, thay đổi, hủy

bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời: Đúng quy định tại Điều 112 BLTTDS; Việc hòa giải: Đúng quy định tại khoản 2 Điều 205 BLTTDS; Việc thông báo cho đương sự và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Đúng quy định tại các Điều: 208, 209, 210, 211 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS; Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS. Cụ thể: Thông báo thụ lý vụ án ngày 04/11/2016, nhưng đến ngày 18/11/2016 mới giao cho chị Nguyễn Thị V (Chị V nhận thay và có trách nhiệm thông báo cho Anh La Thế U). Thời hạn giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS (Cụ thể: Ngày 10/3/2017, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đến ngày 15/3/2017, Tòa án mới giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu xét xử);

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Mai L1 chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS;

- *Bị đơn*: Anh La Thế U chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Triệu Hạnh H1: Chấp hành đúng quy định tại Điều 75, Điều 76 BLTTDS.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 BLTTDS: Anh Trần Ngọc C1, Nguyễn Ngọc C2, chị Nguyễn Thị V, chị Lê Thị T, ông Hoàng Hữu H2 đại diện Văn phòng công chứng QM, ông Nguyễn Văn C3 đại diện Văn phòng công chứng NT vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

+ *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử*: đã thực hiện đúng, đủ thành phần theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13 ngày 10/3/2017. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng phần thủ tục bắt đầu phiên tòa theo Điều 239 - Điều 246 BLTTDS; Thứ tự và nguyên tắc hỏi đúng quy định tại Điều 249 BLTTDS; Thực hiện việc công bố tài liệu của vụ án đúng Điều 254 BLTTDS; Việc phát biểu khi tranh luận được thực hiện đúng theo Điều 260 và 261 BLTTDS.

+ *Việc tuân theo pháp luật của Thư ký Tòa án*: Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đủ nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 122; Điều 127; Điều 581; Điều 583; Điều 588 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 6, Điều 27; Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1 về việc đề nghị đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015; Tuyên bố Hợp đồng mua bán ngày 9/10/2015 và Hợp đồng mua bán ngày 22/11/2016 vô hiệu.

- Buộc Anh La Thế U phải trả lại chiếc xe Vios biển kiểm soát 30A-30637 cho Chị Đào Mai L1 và giấy tờ đăng ký xe ô tô trên.

- Về án phí: Anh La Thế U phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

- Chị Đào Mai L1 không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả chị L1 số tiền 400.000đ tạm ứng án phí đã nộp ghi tại biên lai số AA/2014/0004032 ngày 04/11/2016 là 200.000đ và biên lai ngày 23/12/2016 là 200.000đ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Áp dụng: Điều 122, Điều 127, Điều 129, Điều 410, Điều 581, Điều 583, Điều 584, Điều 587, Điều 588; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 3 Điều 26, khoản 6 Điều 27, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 ngày 09/10/2015 giữa Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U vô hiệu;

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 ngày 22/11/2016 giữa Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2 vô hiệu;

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2015 giữa Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U. Buộc Anh La Thế U phải trả lại cho Chị Đào Mai L1 xe ô tô Toyota nhãn hiệu VIOS, Biển kiểm soát 30A- 706.37 số khung 9F34F4013360, số máy 1NZZ269778 và một đăng ký xe ô tô số 112735 do Phòng cảnh sát Giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/7/2015 mang tên Đào Mai L1.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời “Kê biên tài sản đang tranh chấp” tại Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2016/LQĐ-BPKCTT, ngày 06/12/2016.

Về án phí: Anh La Thế U phải chịu 400.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đào Mai L1 không phải chịu án phí. Hoàn trả chị L1 số tiền 400.000đ tạm ứng án phí đã nộp ghi tại biên lai số AA/2014/0004032 ngày 04/11/2016 và biên lai số AA/2014/0004074 ngày 23/12/2016 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT thu.

Về chi phí giám định: Anh La Thế U phải chịu số tiền giám định 3.000.000đ xác nhận anh U đã nộp đủ số tiền trên.

Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 03/5/2017, bị đơn Anh La Thế U, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Anh La Thế U kháng cáo trình bày:

Bản án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1 là không có căn cứ.

Thực tế có việc Chị Đào Mai L1 bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTAVios Biển kiểm soát 30A - 706.37 của chị L1 cho Anh La Thế U nhưng do chị L1 gian dối nên làm hợp đồng ủy quyền cho Anh La Thế U được toàn quyền như chủ sở hữu đối với chiếc xe ô tô này chứng tỏ về hình thức thì là hợp đồng ủy quyền nhưng nội dung là hợp đồng mua bán.

Hợp đồng ủy quyền đã ký giữa chị L1 và anh U là hoàn toàn tự nguyện, anh U đã được giao xe ô tô, giấy tờ và đã sử dụng liên tục từ đó đến nay, việc anh U bán chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Ngọc C2 là hoàn toàn hợp pháp vì theo đúng nội dung được ủy quyền. Không có căn cứ xác định anh U đã nhận được thông báo chấm dứt việc ủy quyền của Chị Đào Mai L1. Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện sự thiếu khách quan vô tư trong thu thập chứng cứ, giải quyết vượt quá yêu cầu của người khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1; công nhận tính hợp pháp của Hợp đồng ủy quyền đã ký ngày 12/11/2015 giữa Chị Đào Mai L1 với Anh La Thế U tại Văn phòng Công chứng QM; Công nhận hợp đồng mua bán xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 giữa Anh La Thế U với anh Nguyễn Ngọc C2 được công chứng ngày 22/11/2016 tại Văn phòng công chứng NT là có hiệu lực; hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản đối với chiếc xe ô tô này để trả lại cho anh Nguyễn Ngọc C2 đảm bảo quyền lợi của anh C2. Trường hợp không sửa Bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn Anh La Thế U kháng cáo nhất trí với quan điểm của Luật sư và trình bày bổ sung: Thực tế Chị Đào Mai L1 còn lừa của anh chiếc xe ô tô đầu kéo và anh đang yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2 kháng cáo trình bày:

Sau khi có Bản án sơ thẩm, anh Nguyễn Ngọc C2 đã có khiếu nại hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng trong vụ án nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện không đúng nội dung vụ việc, vụ án tranh chấp có giá ngạch, nhưng

Tòa án xác định không có giá ngạch là không đúng. Lời khai của các đương sự có nhiều mâu thuẫn chưa được đối chất làm sáng tỏ. Và đặc biệt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc C2 khi mới được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất là trái quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Nguyên đơn Chị Đào Mai L1 có 03 (Ba) yêu cầu khởi kiện, các yêu cầu này theo quy định đều phải nộp tạm ứng án phí, Chị Đào Mai L1 chỉ nộp tạm ứng án phí đối với 02 (Hai) yêu cầu nhưng Tòa án đã thụ lý giải quyết và chấp nhận cả 03 (Ba) yêu cầu của Chị Đào Mai L1 là thụ lý, giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1, trái quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện YT xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Chị Đào Mai L1 trình bày:

Chị không đồng ý với kháng cáo của Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2.

Việc chị ký hợp đồng ủy quyền cho Anh La Thế U toàn quyền sử dụng, định đoạt chiếc xe ô tô Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 ngày 12/11/2015 tại Văn phòng công chứng QM là do chị bị lừa dối từ thỏa thuận đổi xe đầu kéo giữa chị với anh U, anh U cũng không trả tiền mua xe ô tô cho chị nên chị đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt việc ủy quyền này của chị với Anh La Thế U.

Chị khẳng định việc chị đã đơn phương gửi thông báo chấm dứt việc ủy quyền tới Anh La Thế U và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như Văn phòng công chứng QM trước thời điểm anh U bán chiếc xe ô tô của chị cho anh Nguyễn Ngọc C2. Chị L1 cũng khẳng định chị không làm hợp đồng bán xe ô tô cho Anh La Thế U, hợp đồng này do anh U thiết lập giả tạo, chị không biết. Chị L1 đề nghị Tòa án giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố hủy các hợp đồng mua bán giả tạo này để buộc anh U trả lại cho chị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios, Biển kiểm soát 30A- 706.37 cho chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Nguyễn Thị V vợ Anh La Thế U khai không đồng ý với Bản án sơ thẩm nhận định chị từ chối tham gia tố tụng vì không có liên quan đến vụ án, việc xin xét xử, giải quyết vắng mặt trong giai đoạn Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là không đúng ý chí của chị, chị thừa nhận trước đây chị khai không đúng sự thật tại giai đoạn Tòa án xét xử sơ thẩm. Thực tế, chị không đưa cho anh U các giấy tờ của chị L1 gửi cũng như giấy báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho anh U. Chị có ký không vào một số giấy tờ của Tòa án nhưng không nhớ đó là giấy tờ gì. Chị nhất trí với kháng cáo của Anh La Thế U chồng chị.

Chị Lê Thị T vợ anh Nguyễn Ngọc C2 trình bày:

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm chị khai không đúng nay chị thay đổi lời khai như sau: Việc mua bán xe ô tô giữa Anh La Thế U với chồng chị là hợp pháp vì anh U có giấy ủy quyền, việc anh C2 chồng chị mua bán xe với anh U như thế nào chị không biết vì lúc ấy vợ chồng mâu thuẫn, anh C2 chồng chị thường đi làm ăn xa sau đó chị

mới biết anh C2 mua chiếc xe ô tô này của anh U ngày 22/11/2016. Chị đồng ý với kháng cáo của Anh La Thế U và kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc C2 chồng chị; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A -706.37 giữa Chị Đào Mai L1 với Anh La Thế U và giữa Anh La Thế U với anh Nguyễn Ngọc C2 là vô hiệu do bị lừa dối và vi phạm pháp luật. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của Anh La Thế U và kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc C2.

Tuy vậy, Bản án sơ thẩm chỉ buộc Anh La Thế U chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBVTQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc Anh La Thế U chịu 400.000 đồng tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về phần án phí buộc đương sự phải chịu theo đúng quy định của pháp luật.

Vì sửa Bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả Anh La Thế U, anh Nguyễn Ngọc C2 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Chị Đào Mai L1 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37. Chị L1 cho rằng ngày 12/11/2015 chị bị Anh La Thế U lừa dối ký “Hợp đồng ủy quyền” cho anh U chiếc xe ô tô này tại Văn phòng công chứng QM nên ngày 02/7/2016 chị L1 một mặt gửi thông báo chấm dứt hợp đồng ủy quyền này tới Anh La Thế U, Văn phòng công chứng QM, sau đó chị L1 khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện YT, đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng

ủy quyền đối với chiếc xe ô tô này giữa chị L1 với anh U. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị L1 có bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 lập ngày 09/10/2015 có công chứng của Văn phòng công chứng NT giữa bên bán Chị Đào Mai L1, bên mua Anh La Thế U và yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán xe ô tô này lập ngày 22/11/2016 có công chứng tại Văn phòng công chứng NT giữa bên bán xe Anh La Thế U với bên mua xe là anh Nguyễn Ngọc C2. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Anh La Thế U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2 về việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 19/4/2017 vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mới được Tòa án triệu tập lần thứ nhất vi phạm quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thấy:

2.1 Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/3/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-DS ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 27/3/2017, vì vắng mặt đương sự tại phiên tòa ngày 27/3/2017, Tòa án đã ra hoãn phiên tòa ngày 27/3/2017. Tại Quyết định Hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-DS ngày 27/3/2017 Tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định xét xử lại vụ án vào ngày 03/4/2017; tại phiên tòa ngày 03/4/2017, đương sự lại vắng mặt nên ngày 03/4/2017 Tòa án tiếp tục ra Quyết định hoãn phiên Tòa số 14/2017/QĐST-DS ấn định xét xử lại vụ án vào ngày 19/4/2017 là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.2 Ngày 16/4/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2 mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 17/4/2017 Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C2 đã được tiếp cận nghiên cứu hồ sơ và anh C2 có đơn xin hoãn phiên tòa xét xử ngày 19/4/2017. Tuy vậy, tại phiên tòa mở lần thứ 2, anh Nguyễn Ngọc C2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 và Luật sư của anh C2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, nội dung kháng cáo này của Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn La Thế U và Anh La Thế U trình bày tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, tuyên bác yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Mai L1, công nhận hợp đồng ủy quyền giữa Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U ngày 12/11/2015; công nhận hợp đồng chuyển nhượng chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 giữa bên bán là Chị Đào Mai L1 với bên mua là Anh La Thế U ngày 09/10/2015 có công chứng tại Văn phòng công chứng NT và công nhận hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô này giữa bên bán là Anh La Thế U với bên mua là anh Nguyễn Ngọc C2 lập ngày 22/11/2016 có công chứng của Văn phòng công chứng NT vì các hợp đồng này đều hợp pháp thấy:

3.1. Đối với hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 ngày 09/10/2015 có công chứng tại Văn phòng công chứng NT giữa bên bán Chị Đào Mai L1, bên mua Anh La Thế U: Quá trình giải quyết vụ án, cả Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U đều không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô là chữ ký của mình. Kết luận trưng cầu giám định cũng khẳng định chữ ký trong hợp đồng này không phải của Chị Đào Mai L1. Do vậy có căn cứ khẳng định Hợp đồng mua bán này là hợp đồng giả tạo. Căn cứ Điều 127 và Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 giữa bên bán là Chị Đào Mai L1 với bên mua là Anh La Thế U lập ngày 09/10/2015 có công chứng tại Văn phòng công chứng NT vô hiệu là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của Anh La Thế U.

3.2 Xét tính hợp pháp của “Hợp đồng ủy quyền” giữa Chị Đào Mai L1 và Anh La Thế U lập ngày 12/11/2015 có công chứng tại Văn phòng công chứng QM. Ngày 12/11/2015 chị L1 và anh U có ký hợp đồng ủy quyền với nội dung chị L1 ủy quyền cho anh U được quản lý sử dụng, bán cho thuê ... xe ô tô Vios, biển kiểm soát 30A- 706.37. Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Thực hiện hợp đồng ủy quyền này, chị L1 đã giao xe ô tô và giấy tờ xe cho anh U quản lý sử dụng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền này, ngày 23/7/2016 chị L1 đã gửi giấy thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền này cho Anh La Thế U và Văn phòng công chứng QM theo đúng quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2005. Việc chấm dứt ủy quyền là quyền của Chị Đào Mai L1 theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của nguyên đơn Anh La Thế U.

3.3 Xét tính hợp pháp của “Hợp đồng mua bán xe ô tô” lập ngày 22/11/2016 có công chứng của Văn phòng công chứng NT giữa bên bán là Anh La Thế U với bên mua là anh Nguyễn Ngọc C2: Tuy ngày 12/11/2015, Chị Đào Mai L1 đã ủy quyền cho Anh La Thế U được toàn quyền sử dụng, bán, tặng cho đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 đứng tên Chị Đào Mai L1, nhưng đến ngày 23/7/2016, Chị Đào Mai L1 đã gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền chiếc xe ô tô này với Anh La Thế U, chị L1 đã thực hiện việc giao thông báo này đúng quy định đến anh U cũng như Văn phòng công

chứng QM. Mặt khác Chị Đào Mai L1 đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện YT tuyên bố chấm dứt việc hợp đồng ủy quyền này, ngày 04/11/2016, Tòa án nhân dân huyện YT đã thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền” và thông báo cho Anh La Thế U biết việc chị L1 khởi kiện yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền này đối với anh U. Theo quy định của pháp luật, anh U không còn quyền bán chiếc xe ô tô của chị L1 do vậy, ngày 22/11/2016, Anh La Thế U làm hợp đồng bán chiếc xe ô tô của Chị Đào Mai L1 cho anh Nguyễn Ngọc C2 là trái quy định của pháp luật. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện lời khai thiếu thống nhất của Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2 về việc hai bên mua bán chiếc xe ô tô này, thậm chí anh Nguyễn Ngọc C2 khai anh chỉ được Anh La Thế U nhờ đứng tên người mua nhằm trốn tránh việc phải trả lại chiếc xe ô tô này cho Chị Đào Mai L1. Do vậy có căn cứ xác định hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô này giữa Anh La Thế U với chị Nguyễn Ngọc C2 là hợp đồng giả tạo, trái quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 127 và Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005 để tuyên bố hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 giữa bên bán là Anh La Thế U với bên mua là anh Nguyễn Ngọc C2 lập ngày 22/11/2016 có công chứng tại Văn phòng công chứng NT vô hiệu là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2.

[4]. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn Anh La Thế U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2 đều đề nghị áp giải đại diện Văn phòng công chứng NT và người đại diện của Văn phòng công chứng QM đến phiên tòa, tuy vậy Tòa án xác định những người này là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, việc có mặt hay vắng mặt tại phiên tòa là quyền của đương sự, Tòa án không có quyền ra quyết định áp giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án tới phiên tòa do vậy không có căn cứ để chấp nhận những yêu cầu này của đương sự.

[5] Tuy vậy, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng như sau: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 23/12/2016, Chị Đào Mai L1 bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

5.1 Thứ nhất, Chị Đào Mai L1 yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 giữa bên bán là Chị Đào Mai L1 với bên mua là Anh La Thế U lập ngày 09/10/2015 có công chứng tại Văn phòng công chứng NT. Theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Chị Đào Mai L1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện này.

5.2 Thứ hai, Chị Đào Mai L1 yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 giữa bên bán là Anh La Thế U với bên mua là anh Nguyễn Ngọc C2 lập ngày

22/11/2016 có công chứng tại Văn phòng công chứng NT. Theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Chị Đào Mai L1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện này.

5.3 Do xác định đây chỉ là một yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu Chị Đào Mai L1 nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí và thực tế chị L1 cũng chỉ nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nhưng Tòa án thụ lý, giải quyết cả 02 (Hai) yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị L1 là giải quyết không đúng quy định tại Điều 146 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

5.4 Do tại phiên tòa phúc thẩm, chị L1 khẳng định chị có 02 (Hai) yêu cầu khởi kiện bổ sung như đã trình bày. Nội dung này mới phát sinh khách quan tại Tòa án cấp phúc thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa biết và do Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục thiếu sót này vì ảnh hưởng tới quyền tranh tụng của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên, mặc dù chỉ Bản án sơ thẩm chỉ giải quyết vượt quá đối với phần yêu cầu chưa nộp tạm ứng án phí của Chị Đào Mai L1 nhưng vì tất cả các yêu cầu này của chị L1 đều liên trực tiếp không thể tách rời với việc chị L1 đòi lại quyền sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios biển kiểm soát 30A-706.37 là đối tượng tranh chấp trong vụ án nên nếu chỉ hủy một phần Bản án sơ thẩm thì không giải quyết triệt để yêu cầu của đương sự. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự theo đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Anh La Thế U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2 áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện YT giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Vì chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Anh La Thế U và chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2, hủy Bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được quyết định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Anh La Thế U; Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C2.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Anh La Thế U và anh Nguyễn Ngọc C2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Anh La Thế U số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số AA/2012/02093 ngày 05/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả anh Nguyễn Ngọc C2 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số AA/2012/02092 ngày 05/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện YT;
- Chi cục THADS huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Hiền